

Số: **39** /2019/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **08** tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20/4/2007;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **20** tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học (đăng Công báo);
- Lưu VT, NC.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Đức Chính

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **39** /2019/QĐ-UBND ngày **08** /10 /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ, chính sách, tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và lựa chọn Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

Quy định về thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều 2, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Chương II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Tổ chức của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

2. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là hai năm rưỡi (30 tháng). Trường hợp thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Thời hạn chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời không quá sáu tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực;

Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

Hội nghị của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 7. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền địa phương ở cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình:

Thôn ở xã có từ 250 hộ gia đình trở lên;

Thôn ở xã biên giới; ở huyện đảo không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã có từ 100 hộ gia đình trở lên;

Tổ dân phố ở phường, thị trấn có từ 300 hộ gia đình trở lên;

Tổ dân phố ở phường, thị trấn biên giới có từ 150 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác:

Cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Đối với các trường hợp đặc thù: Thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 8. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều 8, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và khoản 6, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thực hiện theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ; LỰA CHỌN PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 12. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 11, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 13. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 14. Tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 8, Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức thành cuộc bầu cử riêng thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 của Quy chế này.

Điều 15. Nguyên tắc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức thành cuộc bầu cử riêng được tiến hành vào ngày Chủ nhật, theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

2. Thành phần cử tri tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình (gọi chung là cử tri tham gia bầu cử). Cử tri tham gia bầu cử là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn, tổ dân phố đủ 18 tuổi trở lên, trừ những người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo và những người mất năng lực hành vi dân sự.

3. Cử tri phải tự mình đi bầu, không được nhờ người khác bầu thay. Trường hợp ốm đau, già yếu không đi lại được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở của cử tri để cử tri thực hiện việc bầu cử. Mỗi cử tri chỉ bỏ một phiếu bầu.

Điều 16. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị Ban công tác để dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách những người dự kiến giới thiệu ra ứng cử (từ 1 đến 2 người). Thành phần hội nghị gồm cấp ủy chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố, trưởng các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố.

3. Chậm nhất là 12 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để công bố quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã về ngày tổ chức bầu cử; phổ biến kế hoạch tổ chức bầu cử, các điều kiện đảm bảo cho công tác bầu cử; Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố phổ biến điều kiện, tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, báo cáo danh sách những người dự kiến giới thiệu ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để hội nghị thảo luận. Tại hội nghị này cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến ứng cử hoặc ý kiến giới thiệu người ứng cử và tổng hợp, lập danh sách để hội nghị cử tri thảo luận thống nhất giới thiệu danh sách những người ứng cử. Những người được hội nghị cử tri giới thiệu ứng cử phải được trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị biểu quyết tán thành.

Sau hội nghị cử tri giới thiệu người ứng cử, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì tổ chức hội nghị để thảo luận và ấn định danh sách chính thức những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong số danh sách những người ứng cử do hội nghị cử tri giới thiệu. Thành phần hội nghị gồm: Bí thư Chi bộ hoặc cấp ủy chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

và các thành viên Ban công tác mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

4. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập ở mỗi thôn, tổ dân phố một Tổ bầu cử từ 5 đến 7 người (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; Thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố, những người có tên trong danh sách ứng cử không được tham gia vào Tổ bầu cử) để thực hiện các nhiệm vụ:

a) Lập và niêm yết danh sách cử tri tham gia bầu cử, danh sách những người ứng cử;

b) Lập thẻ cử tri để phát cho cử tri tham gia bầu cử. Thẻ cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã ký và đóng dấu (mẫu thẻ cử tri áp dụng theo quy định về mẫu thẻ cử tri trong các cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp);

c) Nhận tài liệu và phiếu bầu từ Ủy ban nhân dân cấp xã để phát cho cử tri trong ngày bầu cử;

d) Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, danh sách những người ứng cử, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 5 ngày trước ngày bầu cử;

đ) Bố trí, trang trí phòng bỏ phiếu và chuẩn bị hòm phiếu;

e) Tổ chức ngày bầu cử theo đúng quy định;

g) Thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu;

h) Tổng hợp và báo cáo kết quả bầu cử (kèm biên bản kết quả kiểm phiếu) đến Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; nộp các tài liệu bầu cử cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất là 07 ngày trước ngày bầu cử.

6. Danh sách cử tri tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, sau khi Tổ bầu cử lập xong trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

7. Danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri tham gia bầu cử được niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, tổ dân phố chậm nhất là 05 ngày trước ngày bầu cử.

8. Việc bổ sung, sửa đổi những sai sót trong danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện chậm nhất 24 giờ trước ngày bầu cử và phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

9. Tổ bầu cử chuẩn bị đủ phiếu bầu theo mẫu quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi khai mạc cuộc bỏ phiếu; niêm yết quy định về phiếu bầu hợp lệ, phiếu không hợp lệ tại khu vực bỏ phiếu và liên tục hướng dẫn để cử tri biết trong thời gian diễn ra bầu cử.

10. Những phiếu sau đây là phiếu không hợp lệ:

a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;

- b) Phiếu không đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- c) Phiếu bầu cho 02 người trở lên;
- d) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- đ) Phiếu ghi thêm tên người khác ngoài danh sách ứng cử.

Điều 17. Tổ chức ngày bầu cử, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, báo cáo kết quả bầu cử và bầu cử lại Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Cuộc bỏ phiếu bắt đầu vào lúc 07 giờ và kết thúc vào lúc 12 giờ trưa cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định bắt đầu cuộc bỏ phiếu sớm hơn và kết thúc muộn hơn giờ quy định, nhưng không được bắt đầu trước 05 giờ và kết thúc quá 13 giờ cùng ngày. Trường hợp khi có 100% cử tri trong danh sách được niêm yết đi bỏ phiếu thì Tổ bầu cử có thể kết thúc cuộc bỏ phiếu sớm hơn.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định, hoãn ngày bỏ phiếu (trong trường hợp thật sự cần thiết).

3. Cuộc bỏ phiếu bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố quyết định ngày tổ chức bầu cử; thông qua nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

b) Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ứng cử.

c) Tổ bầu cử kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

d) Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu.

đ) Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong thùng phiếu và giấy tờ liên quan, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã biết, xử lý.

4. Việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện như sau:

a) Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện cử tri (02 người) không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

b) Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri tham gia bỏ phiếu; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố.

c) Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đạt số phiếu bầu cao nhất và trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách cử tri niêm yết.

d) Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử.

đ) Tổ trưởng tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

5. Trường hợp cuộc bầu cử đầu tiên nếu số cử tri đi bỏ phiếu chưa được quá nửa số cử tri ghi trong danh sách hoặc kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách cử tri được niêm yết thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời theo quy định tại khoản 3, Điều 4, Quy chế này.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới theo quy định tại Điều này.

Điều 18. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Hướng dẫn thi hành các điều 11, 14, 16, 22 và 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 20. Lựa chọn và công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Sau khi có quyết định công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố của Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ mới thống nhất với Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố lựa chọn nhân sự Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo Chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố cho ý kiến trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng tổ dân phố.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng tổ dân phố.

Điều 21. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này được áp dụng thống nhất ở các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này;

b) Tháng 12 hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ và Quy chế này trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn.

b) Định kỳ sáu tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quy chế này;

b) Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trường thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của Quy chế này.

Điều 23. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Nguyễn Đức Chính